

Số: ~~115~~/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng
CNTT Nâng cao cho các học viên thi Đợt tháng 3/2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân v/v bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-ĐHDT ngày 10/02/2022 về việc thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin Cơ bản và Nâng cao năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 10/02/2022 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao Đợt tháng 3 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao cho:

+ 298 học viên thi Đợt tháng 3/2022 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- P. ĐTDH&SDH;
- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DUY TÂN
TS. Nguyễn Phi Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - ĐỢT THÁNG 3/2022
SỐ LƯỢNG: 298 Chứng chỉ

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 1415 /QĐ-ĐHDT ngày 31 tháng 3 năm 2022

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
1	24202108726	Nguyễn Trần Văn	Anh	01/10/2000	Đà Nẵng	26CBN3	7.3	7.8	
2	2320262832	Ngô Thị Ngọc	Dung	07/12/1999	Quảng Nam	26CBN3	6.7	7.3	
3	2320521556	Phạm Thị Mi	Liễu	20/02/1999	Quảng Ngãi	26CBN3	5.7	6.4	
4	2320524993	Lê Thanh	Thúy	01/10/1999	Gia Lai	26CBN3	8.7	5.9	
5	24202113868	Hồ Thị Thu	Trang	02/07/2000	Quảng Nam	26CBN3	6.3	5.5	
6	24202103996	Hoàng Thị Thu	Huyền	20/11/2000	Gia Lai	26CHT3	8.0	5.0	
7	24202100846	Nguyễn Thị Xuân	Trang	22/02/2000	Phú Yên	26CHT3	10.0	6.0	
8	2321529125	Lê Thành	Quốc	16/05/1999	Bình Định	26CHT4	9.3	8.3	
9	24202508445	Lê Thị Mỹ	Lệ	30/10/2000	Quảng Nam	26CSC2	7.7	5.0	
10	24202602338	Phạm Thị Diệu	Ly	24/07/2000	Quảng Bình	26CSC2	8.3	5.8	
11	24202600083	Lê Thanh	Yến	19/11/1999	Bình Định	26CSC2	9.7	6.5	
12	24205206419	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	21/10/2000	Khánh Hòa	26CYC3	9.3	9.3	
13	24207210503	Đinh Thị	Hường	25/09/2000	Vũng Tàu	26CYC3	6.3	7.5	
14	24206612212	Võ Thị Thanh	Như	04/04/2000	Quảng Ngãi	26CYC3	10.0	6.8	
15	24202108391	Ngô Thị Thanh	Phương	24/08/2000	Hà Tĩnh	26CYC3	7.7	5.9	
16	24205206418	Phạm Thị Phương	Uyên	17/03/2000	Khánh Hòa	26CYC3	9.7	9.0	
17	24205206439	Bùi Thị Yến	Xuân	19/04/2000	Bình Định	26CYC3	10.0	5.5	
18	24203112221	Nguyễn Thị	Ni	02/01/2000	Quảng Nam	26CYC4	8.7	5.1	
19	24207101265	Dương Thị Cẩm	Lệ	01/07/2000	Quảng Nam	26SBN2	7.7	5.5	
20	25202116040	Diệp Sanh Bảo	Hân	22/02/2001	Gia Lai	26SBN3	7.0	8.6	
21	24207107405	Nguyễn Thị Mai	Hương	07/12/2000	Nghệ An	26SBN3	7.0	6.1	
22	24203110731	Lê Thị Thúy	Kiểu	24/10/2000	Phú Yên	26SBN3	6.3	5.0	
23	24202111686	Hoàng Lê Thảo	Ngọc	21/07/2000	Gia Lai	26SBN3	8.3	8.5	
24	24207100383	Đào Lê Bích	Trâm	14/07/2000	Gia Lai	26SHT3	9.3	5.6	
25	24207100405	Lê Thanh	Vân	13/12/2000	Gia Lai	26SHT3	9.3	6.3	
26	24207100618	Trần Thị Tú	Anh	10/10/2000	Hà Tĩnh	26SSC3	8.3	7.8	
27	24208602189	Nguyễn Thị Khánh	Ly	23/12/2000	Kon Tum	26SSC3	6.0	5.0	



Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THU'D	GHI CHÚ
28	24208602410	Mai Thị Minh	Lý	03/12/2000	Kon Tum	26SSC3	5.7	6.5	
29	23205211242	Huỳnh Thị Ái	Nhân	11/09/1999	Khánh Hòa	26SSC3	7.7	6.5	
30	24207100924	Nguyễn Thị Thanh	Phương	18/11/2000	Quảng Trị	26SYC2	7.7	5.0	
31	24202605543	Lê Thị Thu	Hương	30/05/2000	Quảng Nam	26SYC2	9.0	5.4	
32	24212100069	Lê Văn	Thường	02/03/1997	Quảng Trị	26SYC3	7.7	6.9	
33	23205211042	Phạm Thị Quế	Anh	18/05/1999	Hồ Chí Minh	26TBN10	8.0	6.8	
34	24202100920	Lê Thị Khánh	Na	05/10/2000	Quảng Trị	26TBN10	6.7	5.1	
35	24202102020	Phạm Thị Long	Nhi	09/04/2000	Quảng Nam	26TBN10	8.7	7.3	
36	24202102243	Lê Thị Hồng	Oanh	06/02/2000	Thanh Hóa	26TBN10	9.0	7.1	
37	24205105785	Văn Thị	Trinh	26/03/2000	Quảng Nam	26TBN8	10.0	5.5	
38	24202202042	Lê Thị Thu	Thảo	17/02/2000	Quảng Nam	26TBN9	7.0	6.1	
39	24207103744	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04/04/2000	Quảng Nam	26THT10	8.0	6.0	
40	24205211572	Trần Thị Hồng	Nga	29/03/2000	Bình Định	26THT10	6.0	6.8	
41	24205215051	Lê Thị Thanh	Tâm	01/10/2000	Đắk Lắk	26THT10	8.0	7.3	
42	24202414543	Trương Thị Hồng	Uyên	17/04/2000	Quảng Ngãi	26THT10	8.0	6.5	
43	24205104471	Huỳnh Thị	Liên	27/04/2000	Đà Nẵng	26THT8	9.3	6.3	
44	24205102058	Hoàng Thị Minh	Phụng	14/06/2000	Quảng Bình	26THT8	9.0	6.5	
45	24205107632	Hoàng Thị Thu	Uyên	02/01/2000	Đắk Lắk	26THT8	10.0	6.5	
46	24212116661	Lê Văn	Đức	03/06/2000	Phú Yên	26THT9	6.3	7.6	
47	24205106623	Lê Thị Diệu	Huyền	02/02/2000	Quảng Trị	26THT9	9.0	6.1	
48	24205103907	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	11/01/2000	Quảng Trị	26THT9	7.7	5.0	
49	2320862926	Bùi Thị Thu	Chung	09/03/1999	Quảng Ngãi	26TSC3	6.3	5.3	
50	24205102755	Phạm Thị Khánh	Vy	02/01/2000	Đắk Lắk	26TSC6	7.7	6.5	
51	25207212169	Trần Thị Diệu	Hương	09/06/2001	Quảng Nam	26TSC8	6.3	7.4	
52	24205312114	Đặng Hoàng Yến	Nhung	19/09/2000	Đắk Nông	26TSC8	8.0	7.1	
53	24205312636	Đặng Thị Như	Quỳnh	09/11/2000	Đà Nẵng	26TSC8	7.0	6.8	
54	24207207432	Lê Thị	Tiền	28/07/2000	Quảng Ngãi	26TSC8	8.0	7.3	
55	24215307119	Lê Đức Nhật	Trường	10/07/2000	Thừa Thiên Huế	26TSC8	8.3	9.3	
56	24205314909	Võ Nguyễn Yến	Vy	04/01/2000	Đắk Lắk	26TSC8	7.0	7.8	
57	24205103844	Phan Thị Trà	My	15/04/2000	Bình Định	26TSC9	9.3	5.3	
58	24205207438	Đặng Kim	Na	25/07/2000	Đắk Lắk	26TSC9	9.7	6.3	
59	24205211746	Trần Thị Thúy	Ngọc	02/08/2000	Đắk Lắk	26TSC9	8.0	5.5	

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐI

Thị Sơn
h

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
92	2120534446	Nguyễn Hương	Loan	21/11/1996	Nghệ An	27CHT1	8.0	7.0	
93	2120534463	Phạm Thạch	Thảo	13/01/1997	Quảng Ngãi	27CHT1	7.3	5.5	
94	2120534431	Phan Thị Kim	Trang	23/08/1996	TT Huế	27CHT1	8.7	6.5	
95	24202603930	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/06/2000	Thanh Hóa	27CSC1	9.0	5.5	
96	24207208213	Phan Nguyễn Thị	Hoài	21/10/2000	Quảng Nam	27CSC1	9.7	7.0	
97	24212101444	Nguyễn Ngọc	Hưng	28/08/2000	Quảng Nam	27CSC1	6.7	5.8	
98	24202101686	Võ Thị Kim	Huy	18/06/2000	Quảng Ngãi	27CSC1	9.0	5.4	
99	24212606188	Trần Văn	Long	10/06/2000	Đà Nẵng	27CSC1	7.7	5.6	
100	205388888	Thân Thị	Mơ	01/11/1990	Quảng Nam	27CSC1	9.7	5.6	
101	24202215954	Vương Thị Hồng	Ngân	06/10/2000	Gia Lai	27CSC1	10.0	6.6	
102	24217215409	Lê Phú	Phong	25/12/2000	Đà Nẵng	27CSC1	7.0	6.1	
103	24207106564	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/04/2000	Đà Nẵng	27CSC1	10.0	6.5	
104	24203207290	Nguyễn Phạm Thanh	Thủy	04/03/2000	Quảng Nam	27CSC1	9.7	5.9	
105	24203113681	Nguyễn Lưu Thị Mỹ	Tiên	09/03/2000	Đà Nẵng	27CSC1	7.7	5.5	
106	24207214006	Huỳnh Thị Vy	Trâm	29/05/2000	Quảng Nam	27CSC1	10.0	8.4	
107	24202107075	Thân Thùy	Trâm	01/06/2000	Quảng Nam	27CSC1	8.7	5.0	
108	24207106314	Trần Thái Bảo	Trân	06/04/2000	Đà Nẵng	27CSC1	5.7	5.1	
109	24212105348	Nguyễn Văn	Trường	26/06/2000	Quảng Nam	27CSC1	9.3	6.5	
110	24202601744	Lê Thị Mai	Uyên	05/02/2000	Đắk Lắk	27CSC1	9.0	5.0	
111	24203106190	Nguyễn Thị Thanh	Vân	13/01/2000	Quảng Nam	27CSC1	10.0	6.8	
112	2121534391	Đỗ Phú	An	16/07/1997	Lâm Đồng	27CYC1	9.7	10.0	
113	2320529288	Trần Thị Minh	Anh	26/11/1997	Đà Nẵng	27CYC1	9.0	6.3	
114	2121536974	Đinh Việt	Bảo	09/03/1995	Quảng Nam	27CYC1	10.0	8.5	
115	2121534423	Nguyễn Hồ Minh	Hoàng	17/10/1997	Buôn Ma Thuột	27CYC1	6.3	6.3	
116	2121534403	Hứa Tuấn	Kiệt	17/03/1997	DakLak	27CYC1	10.0	8.8	
117	2120534424	Đào Huệ	Linh	14/10/1997	Thanh Hóa	27CYC1	8.7	5.1	
118	24205102667	Ngô Thị Kiều	Mi	05/10/2000	Đắk Lắk	27CYC1	5.0	5.8	
119	2121539909	Lại Quang	Nhân	03/08/1997	An Giang	27CYC1	7.3	7.8	
120	24207115940	Mai Thị Hồng	Nhung	30/09/2000	Thanh Hóa	27CYC1	9.3	6.6	
121	24205101479	Đào Thị	Nhung	11/08/2000	Ninh Bình	27CYC1	8.3	6.0	
122	2121534399	Y Alisia	Niê	25/11/1996	DakLak	27CYC1	9.3	5.0	
123	2121534411	Trần Hữu	Phước	10/08/1997	Bình Định	27CYC1	8.3	5.5	

100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123

100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
156	24205207115	Hồ Thị Trúc	Linh	07/11/2000	Quảng Nam	27TBN2	9.3	5.1	
157	24205216200	Nguyễn Thị Hoài	Linh	06/03/2000	Kon Tum	27TBN2	9.3	7.0	
158	24218711527	Nguyễn Trọng Phương	Nam	19/02/2000	Đắk Lắk	27TBN2	6.0	7.0	
159	24203204780	Võ Thị	Ngọc	20/05/1999	Quảng Trị	27TBN2	8.0	6.9	
160	24207212002	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/03/2000	Quảng Nam	27TBN2	8.0	6.4	
161	24205112027	Phạm Ý	Nhi	08/01/2000	Bình Định	27TBN2	9.3	9.1	
162	24208708235	Hồ Huỳnh	Như	02/06/2000	Quảng Ngãi	27TBN2	7.7	8.0	
163	23205211055	Lê Bùi Lan	Phương	29/09/1998	Quảng Nam	27TBN2	8.7	6.9	
164	24205212630	Đỗ Trúc	Quỳnh	21/01/2000	Bình Định	27TBN2	9.7	8.5	
165	24218716882	Nguyễn Như	Tài	14/04/1997	Gia Lai	27TBN2	7.0	5.6	
166	24202705097	Nguyễn Hoàng	Yến	01/02/2000	Quảng Nam	27TBN2	9.3	5.5	
167	24205108174	Phạm Thị Thanh	Hương	01/06/2000	Kon Tum	27TBN4	7.3	5.9	
168	24202101136	Nguyễn Thị Trung	Nguyễn	09/09/2000	Đắk Lắk	27TBN4	9.3	7.0	
169	24212103903	Nguyễn Đoàn	Nhật	20/11/2000	Quảng Nam	27TBN4	8.0	5.5	
170	24212105046	Vũ Anh	Thịnh	06/07/2000	Đắk Lắk	27TBN4	6.0	6.5	
171	24203104984	Lê Thị Thanh	Tuyền	14/02/2000	Quảng Nam	27TBN4	8.0	5.9	
172	24202702660	Trần Thị Kim	Ty	09/05/2000	Quảng Ngãi	27TBN4	7.0	6.5	
173	24217104864	Nguyễn Quang	Huy	28/12/1999	Quảng Nam	27THT1	8.3	5.6	
174	24202615723	Lưu Yến	Nhi	24/02/2000	Thanh Hóa	27THT1	9.7	5.5	
175	24217106707	Huỳnh Cao	Thái	29/10/2000	Cà Mau	27THT1	7.3	5.6	
176	23205211421	Phạm Lê Thị Hoài	Thương	10/04/1999	Bình Định	27THT1	9.3	8.0	
177	24202700109	Văn Như	Linh	19/08/1999	Quảng Nam	27THT2	7.0	6.8	
178	24202106785	Phạm Nguyễn Thị Kim	Ly	20/05/2000	Quảng Ngãi	27THT2	6.3	5.3	
179	24202716637	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	24/02/2000	Đà Nẵng	27THT2	5.7	5.8	
180	24207214422	Trần Hoàng Thanh	Tuyền	07/11/2000	Phú Yên	27THT2	10.0	7.0	
181	24215210208	Nguyễn Việt	Hoàng	06/06/2000	Bình Định	27THT3	9.3	5.0	
182	24202208270	Võ Thị Phước	Mỹ	20/04/2000	Quảng Nam	27THT3	5.0	5.6	
183	24205101695	Nguyễn Hoài	Phương	13/12/2000	Bình Định	27THT3	9.7	7.5	
184	24218607855	Nguyễn Văn	Phương	29/11/2000	Gia Lai	27THT3	7.7	6.0	
185	24205115893	Nguyễn Thị	Thương	06/07/2000	Bình Định	27THT3	9.7	5.8	
186	24202605064	Phạm Thị Lan	Anh	29/04/2000	Quảng Bình	27THT4	7.3	6.9	
187	24212108906	Nguyễn Thái Quốc	Bảo	30/10/1999	Đà Nẵng	27THT4	9.3	5.0	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
188	24212105283	Ngô Minh	Đức	07/01/2000	Kon Tum	27THT4	7.7	7.1	
189	25202603163	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	20/11/2001	Quảng Nam	27THT4	7.0	5.5	
190	24217210670	Phan Văn	Khoa	14/04/1999	Quảng Bình	27THT4	9.0	6.9	
191	24215210675	Trần Đăng	Khoa	07/12/2000	Đắk Lắk	27THT4	9.3	5.4	
192	24207108103	Nguyễn Thị Hoàng	Luyến	08/07/2000	Quảng Nam	27THT4	8.7	6.3	
193	23207111583	Nguyễn Thị Diễm	Ly	26/01/1999	Đà Nẵng	27THT4	9.3	6.0	
194	24205116023	Ngô Thị	Miền	28/03/2000	Gia Lai	27THT4	9.7	9.0	
195	25203310478	Đào Thị	Nhâm	11/11/2001	Đà Nẵng	27THT4	9.0	8.9	
196	25202608758	Lê Thị Hoàng	Ni	20/02/2001	Quảng Nam	27THT4	8.3	6.3	
197	25202608944	Nguyễn Thị Thanh	Ni	13/08/2001	Thừa Thiên Huế	27THT4	9.0	6.0	
198	25202617300	Đỗ Thị Tuyết	Nương	29/08/2001	Quảng Nam	27THT4	7.7	7.0	
199	25203217546	Lê Diễm	Quỳnh	31/10/2001	Quảng Nam	27THT4	7.7	5.5	
200	24212515841	Nguyễn Trường Định	Tâm	06/10/2000	Đà Nẵng	27THT4	8.0	5.5	
201	24202515884	Trần Thị Ngọc	Thảo	21/12/2000	Đà Nẵng	27THT4	8.3	7.3	
202	24202113637	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	29/05/2000	Đắk Lắk	27THT4	9.7	8.3	
203	24202601440	Phạm Thu	Thủy	18/06/2000	Hà Nội	27THT4	7.3	5.5	
204	2321312434	Nguyễn Công	Tiến	26/01/1996	Đà Nẵng	27THT4	9.0	6.5	
205	25202802412	Bùi Nữ Hoàng	Trâm	23/11/2001	Ninh Thuận	27THT4	8.7	6.3	
206	25203200822	Phan Thị Lan	Trình	02/01/2000	Quảng Bình	27THT4	5.7	5.0	
207	24202114427	Vũ Thị Minh	Tuyền	02/01/2000	Đà Nẵng	27THT4	9.3	6.5	
208	24202101743	Phan Thị Tổ	Uyên	01/09/2000	Đắk Lắk	27THT4	8.7	8.0	
209	24203116497	Thái Thị Thúy	Vy	15/10/2000	Gia Lai	27THT4	7.0	9.5	
210	2120534420	Hoàng Thị Thảo	Chinh	27/08/1996	Nghệ An	27TSC1	8.3	6.8	
211	2121534392	Nguyễn Mạnh	Cường	26/04/1996	Đà Nẵng	27TSC1	6.0	7.5	
212	2120534445	Trần Thị Ngọc	Diễm	08/06/1997	Bình Định	27TSC1	8.0	7.0	
213	2120534430	Võ Thị Minh	Đức	19/07/1997	Gia Lai	27TSC1	8.0	6.8	
214	2120534394	Nguyễn Thái Thùy	Ngân	11/05/1996	Khánh Hòa	27TSC1	10.0	8.1	
215	2120534378	Dương Thị Bích	Ngọc	24/06/1997	Lâm Đồng	27TSC1	9.0	6.5	
216	2120539915	Lê Thị Yến	Nhi	16/02/1997	Long An	27TSC1	9.3	8.8	
217	2320521366	Bùi Thị	Thi	01/06/1999	Phú Yên	27TSC1	9.7	6.8	
218	2121534409	Phan Công	Thông	04/07/1996	Đà Nẵng	27TSC1	8.7	7.8	
219	2120539908	Nguyễn Hiền Phương	Thy	08/07/1997	Đà Nẵng	27TSC1	9.7	8.5	

=
-
j
i
y
-
=

Handwritten signature and initials

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
220	24202105361	Bùi Thị	Hạnh	25/11/2000	Kon Tum	27TSC2	10.0	5.9	
221	24202105364	Phạm Thị Thanh	Hiền	15/08/2000	Kon Tum	27TSC2	9.3	6.5	
222	24203204766	Đặng Thị Ánh	Hoa	09/01/2000	Quảng Nam	27TSC2	7.7	7.8	
223	24203300118	Phạm Thị	Huệ	14/04/1999	Quảng Nam	27TSC2	9.3	8.8	
224	24205210726	Đinh Thị Oanh	Kiều	12/04/2000	Bình Định	27TSC2	10.0	8.5	
225	24202615320	Phan Thị	Lệ	19/06/2000	Quảng Nam	27TSC2	8.3	7.1	
226	24207211860	Huỳnh Thị Thanh	Nguyệt	31/08/2000	Đà Nẵng	27TSC2	7.7	6.8	
227	24205213321	Trần Dạ	Thảo	06/03/2000	Quảng Ngãi	27TSC2	10.0	8.4	
228	24202107241	Lê Tường	Vi	16/10/2000	Bình Định	27TSC2	9.0	7.8	
229	24202100930	Lê Thị Khánh	Vỹ	30/10/2000	Kon Tum	27TSC2	9.3	5.8	
230	24203107230	Võ Thị Nhân	Ái	23/09/2000	Quảng Trị	27TSC3	6.0	5.4	
231	24217215124	Trần Quốc	Cường	26/07/2000	Quảng Nam	27TSC3	5.0	5.3	
232	24215206409	Trần Anh	Hào	28/02/2000	Thừa Thiên Huế	27TSC3	7.0	7.5	
233	24217115225	Đoàn Bùi Quốc	Khánh	24/04/2000	Nam Định	27TSC3	6.7	6.8	
234	24205206523	Nguyễn Thị	Lắm	10/02/2000	Bình Định	27TSC3	8.0	5.3	
235	24203116274	Võ Thị Thùy	Linh	27/09/2000	Quảng Trị	27TSC3	7.0	5.0	
236	24207201190	Nguyễn Thảo	My	15/02/1999	Quảng Nam	27TSC3	9.7	5.3	
237	24203107584	Võ Hoàng Trà	My	02/09/2000	Bình Định	27TSC3	6.7	5.3	
238	24217207044	Thái	Nguyên	12/01/2000	Phú Yên	27TSC3	7.7	5.0	
239	24207211901	Trương Thị Mỹ	Nhàn	29/09/2000	Đà Nẵng	27TSC3	7.7	7.8	
240	24217204914	Nguyễn Hồng	Nhật	15/01/2000	Quảng Nam	27TSC3	8.0	5.0	
241	24207208215	Nguyễn Minh Thùy	Nhi	09/09/2000	Đà Nẵng	27TSC3	6.0	7.3	
242	23203110242	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/02/1999	Quảng Nam	27TSC3	6.3	9.3	
243	24217102127	Đinh Mạnh	Tân	11/12/2000	Hà Tĩnh	27TSC3	6.7	6.3	
244	24207215731	Huỳnh Thị Phương	Thảo	10/12/2000	Đà Nẵng	27TSC3	9.7	5.5	
245	24207107156	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/07/2000	Thừa Thiên Huế	27TSC3	7.7	6.8	
246	24217103622	Phạm Đức	Thảo	20/11/2000	Quảng Nam	27TSC3	8.7	6.8	
247	24205206542	Võ Trần Ngọc	Thảo	01/04/2000	Phú Yên	27TSC3	7.3	5.5	
248	24207206672	Nguyễn Thị Tuấn	Trần	05/07/2000	Quảng Nam	27TSC3	5.7	5.0	
249	24207202235	Hoàng Thị Thảo	Trang	24/01/2000	Đắk Lắk	27TSC3	5.7	7.0	
250	2121534375	Đặng Công Hoàng	Việt	03/01/1997	Đà Nẵng	27TSC3	8.7	7.0	
251	24205302552	Nguyễn Hồ Kim	Yên	02/10/2000	Phú Yên	27TSC3	5.7	9.3	

11/10/2021

anh
luc

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
60	24205100190	Đinh Cao La	Sương	11/10/2000	Quảng Bình	26TSC9	6.7	5.0	
61	24212201598	Lê Thị	Lệ	26/11/2000	Đắk Lắk	26TYC10	6.7	5.0	
62	24205410629	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	13/11/2000	Đắk Lắk	26TYC11	5.0	7.5	
63	2321519378	Nguyễn Thanh	Bình	02/04/1999	Quảng Nam	26TYC6	9.3	6.9	
64	24202616571	Cao Thị Minh	Chuyên	16/10/2000	Thái Bình	26TYC6	6.7	7.6	
65	24202605513	Nguyễn Thị Như	Ý	19/05/2000	Quảng Nam	26TYC6	7.0	5.3	
66	24202102960	Lê Thị Thu	Ngân	14/11/2000	Khánh Hòa	26TYC8	10.0	5.4	
67	24205216091	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/2000	Đắk Lắk	26TYC9	6.0	5.8	
68	24212506999	Lê Vinh	Hiền	26/03/2000	Quảng Nam	26TYC9	5.3	5.5	
69	24204304458	Phan Công	Tiến	17/03/2000	Quảng Nam	26TYC9	8.0	5.0	
	2320514224	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trần	13/07/1999	Đà Nẵng	26TYC9	5.7	5.1	
71	24203104314	Phạm Việt Gia	Ân	11/01/2000	Đà Nẵng	27CBN1	8.3	5.5	
72	24207215431	Trần Lê Văn	Anh	13/04/2000	Đà Nẵng	27CBN1	8.0	5.9	
73	24217209090	Nguyễn Kiệt	Cường	29/01/2000	Gia Lai	27CBN1	7.7	5.5	
74	24212100514	Trần Xuân	Dũng	07/06/2000	Quảng Bình	27CBN1	8.3	6.0	
75	24207215910	Lê Thị Ngọc	Duyên	28/12/2000	Đà Nẵng	27CBN1	8.7	7.5	
76	24205109545	Nguyễn Thị Hương	Giang	06/01/2000	Đà Nẵng	27CBN1	5.3	6.5	
77	25202116408	Hoàng Thị Thanh	Hiền	01/11/2001	Quảng Trị	27CBN1	5.3	6.5	
78	24212104775	Trần Vũ	Hùng	20/12/2000	Đà Nẵng	27CBN1	5.7	5.8	
79	2320719891	Nguyễn Thúy	Kiều	21/11/1999	Bình Định	27CBN1	10.0	6.8	
80	2320665356	Đoàn Thị Kim	Liên	27/01/1999	Quảng Trị	27CBN1	10.0	6.5	
81	24207203699	Trần Thị Thu	Linh	27/04/2000	Quảng Nam	27CBN1	8.0	6.6	
82	24207203999	Nguyễn Thý	Na	08/12/2000	Bình Định	27CBN1	8.7	7.5	
83	23207112044	Lê Thanh	Nga	19/05/1997	Quảng Nam	27CBN1	8.3	5.0	
84	25212113105	Trần	Nghĩa	12/10/2000	Quảng Bình	27CBN1	7.7	7.0	
85	25207117160	Nguyễn Thị Xuân	Nở	10/03/2001	Quảng Ngãi	27CBN1	10.0	9.5	
86	24203206692	Hồ Thị Thảo	Quỳnh	29/08/2000	Quảng Nam	27CBN1	9.3	6.0	
87	23205210253	Nguyễn Thị Thanh	Sâm	12/02/1999	Quảng Nam	27CBN1	9.7	6.8	
88	24203216041	Huỳnh Thị Thiên	Thu	10/10/2000	Quảng Nam	27CBN1	8.7	7.8	
89	24203113638	Nguyễn Thị Thu	Thủy	07/03/2000	Quảng Bình	27CBN1	9.3	7.0	
90	24207206788	Phùng Thị Thu	Thủy	26/11/2000	Quảng Nam	27CBN1	7.7	5.0	
91	24202100512	Trần Thảo	Vy	23/08/2000	Quảng Bình	27CBN1	8.3	6.3	



STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
124	2121534457	Cao Thanh	Sơn	12/09/1995	Phù Yên	27CYC1	7.7	5.0	
125	24205104444	Trịnh Ngọc	Trâm	23/10/2000	Quảng Bình	27CYC1	8.0	5.1	
126	24207101611	Lê Hoàng	Trình	20/09/2000	Đà Nẵng	27CYC1	9.7	6.0	
127	2121534432	Nguyễn Văn	Tương	18/06/1995	Quảng Nam	27CYC1	7.7	9.0	
128	24205106922	Huỳnh Thị Ánh	Chi	25/08/2000	Đà Nẵng	27SHT1	6.3	5.3	
129	24207105548	Phạm Thị	Đáng	22/03/2000	Quảng Nam	27SHT1	5.0	8.5	
130	24203415013	Huỳnh Thị	Điều	09/05/2000	Quảng Nam	27SHT1	8.7	8.6	
131	24207105845	Nguyễn Thị Trường	Giang	24/01/2000	Quảng Nam	27SHT1	8.0	5.9	
132	2320519459	Phạm Bích	Hợp	06/09/1999	Phù Yên	27SHT1	8.3	6.9	
133	24203415008	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	01/05/2000	Gia Lai	27SHT1	9.7	6.3	
134	24203400467	Trần Thị Mỹ	Linh	08/06/2000	Đắk Lắk	27SHT1	8.3	7.4	
135	23205211412	Nguyễn Thị Khánh	Ly	10/02/1999	Quảng Nam	27SHT1	8.3	8.0	
136	24203406881	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	16/01/2000	Quảng Nam	27SHT1	9.7	7.8	
137	24203415040	Phan Thị Mỹ	Nhật	14/07/2000	Quảng Nam	27SHT1	9.7	7.6	
138	24217212933	Trần Bảo	Tâm	01/01/2000	Bình Định	27SHT1	8.7	5.6	
139	2220512761	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	17/03/1998	Đà Nẵng	27SHT1	7.3	6.3	
140	24213303815	Huỳnh Văn	Tuấn	16/02/2000	Quảng Nam	27SHT1	8.7	7.5	
141	24207204759	Đào Thị	Tuyền	01/01/2000	Quảng Nam	27SHT1	8.7	6.8	
142	24203415205	Trần Thị Thanh	Tuyền	19/10/2000	Quảng Nam	27SHT1	9.7	7.5	
143	24212205150	Nguyễn Thành	Nam	25/02/2000	Đà Nẵng	27SYC1	7.0	8.8	
144	24207207379	Đỗ Dư	Hiếu	09/06/2000	Ninh Thuận	27TBN1	8.0	8.8	
145	24203200057	Tổng Thị Mai	Hoa	05/02/1998	Đà Nẵng	27TBN1	6.3	5.0	
146	24202307636	Cao Thị Thanh	Nhàn	06/03/2000	Đắk Lắk	27TBN1	6.3	5.0	
147	24202607607	Phạm Thị Kiều	Oanh	05/08/2000	Đà Nẵng	27TBN1	6.0	5.5	
148	24202505374	Mai Phan Thủy	Trang	19/11/2000	Đà Nẵng	27TBN1	6.7	7.0	
149	2320520584	Hoàng Thị Ngọc	Vân	23/02/1999	Quảng Trị	27TBN1	8.3	6.8	
150	24203114634	Bùi Tú	Vi	19/05/2000	Quảng Ngãi	27TBN1	9.0	5.6	
151	23205210616	Nguyễn Thị Như	Ý	10/02/1997	TT Huế	27TBN1	7.7	7.3	
152	24208701629	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	27/11/2000	Quảng Ngãi	27TBN2	6.0	9.4	
153	24205206531	Hồ Thị Thanh	Hiền	09/04/2000	Quảng Nam	27TBN2	7.3	9.1	
154	24218604698	Trần Minh	Hoàng	18/11/2000	Quảng Nam	27TBN2	6.0	6.5	
155	24203116319	Cao Thủy	Linh	27/08/2000	Nghệ An	27TBN2	6.7	8.3	

Handwritten signature and stamp

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỶ	GHI CHÚ
284	2121534398	Đỗ Trung	Thành	27/09/1996	Hà Nội	27TYC1	6.7	5.3	
285	2121534444	Lê Nguyễn Huy	Thành	12/02/1996	TT Huế	27TYC1	9.7	9.9	
286	2121534414	Trần Vĩnh	Thiện	12/10/1997	Quảng Nam	27TYC1	10.0	9.4	
287	2121534428	Đỗ Đình	Thục	04/08/1997	Khánh Hòa	27TYC1	8.7	8.3	
288	2121534380	Võ Anh	Tùng	24/01/1997	Quảng Trị	27TYC1	10.0	9.0	
289	2120534450	Lê Tường	Vi	27/12/1997	An Giang	27TYC1	8.7	9.9	
290	24207101067	Trần Thị Thu	Hiền	02/12/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.3	5.4	
291	24207100816	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/10/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.7	6.1	
292	24202107165	Võ Thị Như	Quỳnh	10/03/2000	Quảng Ngãi	27TYC2	10.0	8.5	
293	2121534441	Lê Hồng	Thái	15/07/1995	DakLak	27TYC2	10.0	7.1	
294	24208602923	Lê Thị	Thảo	21/02/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.3	7.9	
295	24203104570	Lê Thị	Phúc	15/01/1998	Quảng Trị	27TYC3	8.7	5.4	
296	24202504699	Lê Ngọc Thùy	Trang	17/06/2000	Quảng Nam	27TYC4	8.7	5.5	
297	2121219198	Hoàng Đình	Trung	27/11/1997	Đà Nẵng	ITA.48A	6.7	7.3	
298	2320663021	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	24/07/1999	Quảng Nam	ITA.90A	7.0	5.8	

Tổng số HV Đạt: 298

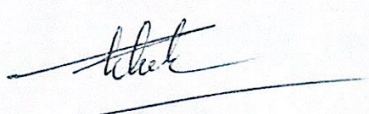
LẬP BẢNG

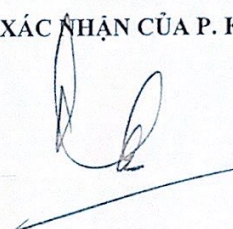
TRUNG TÂM TIN HỌC

XÁC NHẬN CỦA P. KH-TC

KT. HIỆU TRƯỞNG









Nguyễn Lê Quế Châu Dương Trương Quốc Khánh

Mai Hoàng Hải

TS. Nguyễn Phi Sơn

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
252	24217205945	Lê Tiến	Linh	09/03/1999	Quảng Nam	27TSC4	6.7	5.3	
253	24203100040	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/08/1998	Gia Lai	27TSC4	8.3	5.0	
254	2120534393	Mai Thị Nguyệt	Ánh	18/03/1997	Đà Nẵng	27TYC1	6.3	6.5	
255	2121534385	Phạm Hoàng	Bảo	02/08/1996	Bình Định	27TYC1	5.3	7.5	
256	2121534464	Nguyễn Mạnh	Cường	05/10/1997	Nghệ An	27TYC1	8.0	10.0	
257	2121534442	Phạm Quốc	Dũng	24/06/1995	Đồng Nai	27TYC1	9.3	9.5	
258	2120534376	Đặng Thị Mỹ	Duyên	20/12/1997	Bình Định	27TYC1	8.7	8.3	
259	2120534425	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	15/06/1997	Phú Yên	27TYC1	10.0	8.8	
260	2121534379	Nguyễn Hoàn	Giang	26/12/1997	Bình Định	27TYC1	9.0	9.4	
261	2120534456	Võ Thị Mỹ	Hạnh	19/08/1997	Đà Nẵng	27TYC1	9.3	8.3	
262	2120534418	Lưu Mỹ Thanh	Hiền	14/12/1996	Bình Định	27TYC1	9.0	7.9	
263	2121536776	Võ Minh	Hoàng	03/10/1997	Gia Lai	27TYC1	9.3	6.9	
264	2121534402	Đào Quốc	Huy	16/09/1996	Gia Lai	27TYC1	9.0	9.8	
265	2121534405	Nguyễn Châu Nhật	Huy	28/06/1997	Bình Định	27TYC1	9.3	8.8	
266	2121534417	Lê Ngọc	Khánh	02/09/1997	Thanh Hóa	27TYC1	10.0	8.3	
267	2121534448	Nguyễn Dương	Khôi	31/08/1997	Bình Định	27TYC1	9.7	9.4	
268	2120534388	Đặng Hoàng Bảo	Khương	10/02/1997	Gia Lai	27TYC1	8.0	8.3	
269	2121534454	Bùi Nguyên	Kỳ	10/12/1996	Đà Nẵng	27TYC1	8.7	7.4	
270	2121534422	Nguyễn Giao	Linh	13/01/1993	Nghệ An	27TYC1	9.3	9.8	
271	2120534400	Nguyễn Lê Hoàng	Linh	22/11/1997	Kon Tum	27TYC1	9.7	9.5	
272	2121534443	Huỳnh Thái	Long	15/11/1997	Hà Nam	27TYC1	9.7	7.4	
273	2121534459	Nguyễn Gia	Luật	03/01/1997	Đà Nẵng	27TYC1	10.0	9.8	
274	2121534401	Huỳnh Dương	Minh	04/05/1997	Bình Định	27TYC1	10.0	9.9	
275	2120534438	Mạc Thị Anh	Nguyên	28/04/1997	Hải Dương	27TYC1	7.7	5.9	
276	2121539911	Nguyễn Hữu	Nhất	09/12/1997	Lâm Đồng	27TYC1	9.7	10.0	
277	2120534407	Thái Thị Hồng	Nhi	20/11/1997	Bình Định	27TYC1	9.3	9.8	
278	2120524539	Trương Thị Ái	Nhi	12/06/1997	DakLak	27TYC1	9.3	9.3	
279	2121534434	Mai Tấn	Phước	06/06/1997	Quảng Nam	27TYC1	9.7	9.3	
280	2120539907	Châu Uyên	Phương	09/10/1996	Thừa Thiên Huế	27TYC1	7.7	6.6	
281	2121534389	Trương	Quang	25/05/1997	Quảng Ngãi	27TYC1	8.0	6.0	
282	2120534386	Nguyễn Ngọc Hương	Quỳnh	09/11/1997	Bình Định	27TYC1	8.7	9.9	
283	2121539910	Nguyễn Trương Nhật	Tân	10/03/1997	Kiên Giang	27TYC1	7.7	7.0	